TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 19-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đăng Đán;

2. Ông Nguyễn Mạnh Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đ2, sinh năm 1993 tại Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm: 1967 và bà Lưu Thị T, sinh năm: 1971; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; *nhân thân: Ngày 05/3/2019, bị can bị Cơ quan CSĐT – Công an huyện Gia Bình khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2019 đến ngày 23/02/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Từ ngày 27/02/2019, đến nay, bị can bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bắc Ninh

trong một vụ án khác; có mặt.

2. Lê Công T, sinh năm 1997 tại Bắc Ninh;

Nơi cư trú: Thôn G, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công N, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976; có vợ là Đinh Thị O, sinh năm 1995 và 02 con, con lớn sinh năm 2017 và con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; *nhân thân: Ngày 28/6/2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh ra quyết định số 746 về việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 18 tháng. Ngày 01/9/2013, chấp hành xong quyết định; Ngày 12/5/2015, bị Công an xã Bình Dương, huyện Gia Bình ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi " Trộm cắp tài sản". Ngày 17/6/2015, chấp hành xong hình phạt; Bản án số 44 ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lê Công T 05 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 19/11/2015, đã nộp 1.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước và 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 25/11/2015, chấp hành xong hình phạt tù*; Bị bị tạm giữ từ ngày 14/02/2019 đến ngày 23/02/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

*. *Người bị hại:* Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Thôn G, xã Bình D, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

*. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Nguyễn Sỹ N, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do phải đi làm ăn xa nên ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1966 ở thôn G, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh có nhờ chú của mình là ông Trần Ngọc P, sinh năm 1963 ở cùng thôn trông nom nhà cửa giúp. Trong quá trình trông nom nhà cửa giúp, ông P có mua một chiếc phản bằng gỗ lim, gồm 02 tấm ghép lại, mỗi tấm có chiều dài 2,08 m; chiều rộng 0,81m; bề dày 5,5 cm; 02 chân đỡ bằng gỗ có chiều dài 1,55m; chiều cao 0,47m và để ở nhà ông Đ1. Đến chiều ngày 04/02/2019, ông P đến nhà ông Đ1 mở cửa để thắp hương ban thờ và dọn dẹp nhà cửa. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Trần Văn Đ2 quan sát thấy cửa cổng và cửa nhà ông Đ1 không khóa, trong nhà không có ai, Đ2 nảy sinh ý định đột nhập để trộm cắp tài sản bán lấy tiền ăn tiêu. Khi vào trong nhà ông Đ1, Đ2 thấy có một bộ phản làm bằng gỗ lim màu nâu gồm 02 tấm dựng ở góc nhà, Đ2 có ý định trộm cắp chiếc phản. Sau đó, Đ2 điều khiển xe mô tô mượn của của người tên H ở tỉnh Bắc Giang, để đi đến nhà Lê

Công T ở cùng thôn. Đến nơi, Đ2 rủ T đi chơi, Đ2 điều khiển xe chở T đến cổng nhà Đ2 rồi bảo T đứng chờ. Sau đó, Đ2 đến nhà ông Phan Văn C, sinh năm 1969 ở cùng thôn với Đ2 rồi mượn một chiếc xe cải tiến để làm công cụ thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi mượn được xe, Đ2 kéo xe cải tiến về cổng nhà ông Đ1 rồi nói với T đi vào nhà ông Đ1 lấy phản (tức trộm cắp phản). T biết Đ2 trộm cắp chiếc phản và đồng ý cùng thực hiện hành vi trộm cắp với Đ2 và mong muốn sau khi trộm cắp chiếc phản đem bán thì Đ2 sẽ cho T tiền công. Sau đó, Đ2 và T cùng vào nhà ông Đ1 khênh chiếc phản ra xe cải tiến. Sau khi trộm cắp được, Đ2 điều khiển xe mô tô, T ngồi sau, kéo xe cải tiến chở phản đi đến nhà ông Nguyễn Sỹ N để bán. Đ2 là người trực tiếp thỏa thuận việc mua bán chiếc phản. Sau khi xem phản xong, ông N đồng ý mua chiếc phản giá 5.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên Đ2 cầm tiền và đã ăn tiêu hết.

Ngày 14/02/2019, ông Trần Ngọc P có đơn trình báo gửi Công an huyện Gia Bình về việc bị trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Cùng ngày 14/02/2019, ông Nguyễn Sỹ N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc phản bằng gỗ lim, gồm 02 tấm ghép lại, mỗi tấm có chiều dài 2,08 m; chiều rộng 0,81m; bề dày 5,5 cm; 02 chân đỡ bằng gỗ có chiều dài 1,55m; chiều cao 0,47m mà ông đã mua của Trần Văn Đ2.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 11 ngày 19/02/2019 kết luận: 01 bộ phản gỗ có hai chân đỡ bằng gỗ (tên gọi khác: ghế xếp); loại gỗ lim, sơn màu nâu, gồm hai tấm ghép lại, mỗi tấm có chiều dài 2,08 m, chiều rộng 0,81m, bề dầy 5,5 cm; 02 chân đỡ bằng gỗ; mỗi chân có chiều dài 1,55m, chiều cao 0,47m. Bộ phản được mua cũ lại năm 2017 có giá trị còn lại là: 4.900.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Văn Đ2 và Lê Công T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*. Tại cáo trạng số 26/CT-VKSGB ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Trần Văn Đ2 và Lê Công T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

*. Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

*. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Luận tội và đề nghị như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ2 và Lê Công T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 và khoản 2 (với tình tiết bị cáo có thời gian quân ngũ) Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ2.

Xử phạt bị cáo Đ2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

Xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về việc bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trần Văn Đ2 bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Sỹ N 5.000.000 đồng là số tiền ông đã trả cho Đ2 để mua bộ phản.

- Về việc xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét.

*. Sau khi nghe bản luận tội của Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận và bào chữa, mà thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng như bản luận tội đã nêu.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1. Nhận thấy, tại phiên toà hôm nay các bị cáo Trần Văn Đ2 và Lê Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã được thu hồi, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng hơn 18 giờ ngày 04/02/2019, tại nhà ở của ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1966 ở thôn G, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, do ông Trần Ngọc P ở cùng thôn trông nom, lợi dụng sơ hở khi ông P dọn dẹp và thắp hương nên không khóa cửa và cổng, Trần Văn Đ2 và Lê Công T đã có hành vi trộm cắp của ông P 01 bộ phản gỗ lim, sơn màu nâu, gồm hai tấm ghép lại, mỗi tấm có chiều dài 2,08 m, chiều rộng 0,81m, bề dầy 5,5 cm; có 02 chân đỡ bằng gỗ; mỗi chân có chiều dài 1,55m, chiều cao 0,47m có trị giá 4.900.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, với mục đích là mong muốn chiếm

đoạt được tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình đã truy tố.**]**

[2. Về vai trò, nhân thân, tính chất, mức độ của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Trong vụ án này bị cáo Đ2 tham gia đồng phạm với bị cáo T với tính chất đồng phạm giản đơn chứ không có yếu tố phạm tội có tổ chức (vì không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể); trong đó, bị cáo Đ2 được xác định là người có vai trò chính và được hưởng lợi toàn bộ, còn bị cáo T là người có vai trò thứ yếu và không được hưởng lợi gì.

Nhận thấy, dù các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, nhưng tính chất và mức độ tội phạm của bị cáo gây ra là nguy hại cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc và hoang mang trong quần chúng nhân dân; ngoài ra, bị cáo Đ2 trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong vụ án này thì bị cáo còn thực hiện hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" trong một hành vi vi phạm pháp luật khác và bị cáo T có nhân thân rất xấu, chứng tỏ các bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo và coi thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm tương ứng, cho các bị cáo cách ly xã hội một thời gian, để có tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng, răn đe phòng ngừa chung, không tạo ra tiền lệ xấu và góp phần làm trong sạch, lành mạnh đời sống xã hội và niềm tin vào pháp luật của nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; ngoài ra, bị cáo Đ2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thời gian quân ngũ (từ năm 2001 đến năm 2003) nên bị cáo Đ2 còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.**]**

[3. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ Luật hình sự thì còn có thể phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.**]**

[4. Về việc bồi thường thiệt hại: Do người bị hại là ông Trần Ngọc P xác nhận đã được nhận lại tài sản mà các bị cáo Đ2 và T chiếm đoạt và nay cũng không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì. Do đó, không đề cập xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Sỹ N yêu cầu bị cáo Trần Văn Đ2 phải bồi thường cho ông số tiền 5.000.000 đồng mà ông đã trả cho Đ2 để mua bộ phản. Xét thấy yêu cầu này là có căn cứ và bị cáo Đ2 là người được hưởng lợi toàn bộ, còn bị cáo T không được hưởng lợi gì nên cần chấp nhận buộc bị cáo Đ2 bồi thường thiệt hại cho ông N số tiền mà ông N đã trả cho Đ2 để mua bộ phản trên là phù hợp.**]**

[5. Về việc xử lý vật chứng: Đối với 01 bộ phản gỗ có hai chân đỡ bằng gỗ (tên gọi khác: ghế xếp); loại gỗ lim, sơn màu nâu, gồm hai tấm ghép lại, mỗi tấm có chiều dài 2,08 m, chiều rộng 0,81m, bề dầy 5,5 cm; 02 chân đỡ bằng gỗ; mỗi chân có chiều dài 1,55m, chiều cao 0,47m thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trần Ngọc P nên cơ quan Điều tra đã trả lại cho ông P bộ phản trên. Do đó, không đề cập xem xét.

[6. Về các vấn đề khác:

6.1. Đối với người tên H quê ở Bắc Giang, theo lời khai của Đ2 là người cho Đ2 mượn xe mô tô. Sau khi trộm cắp xong thì Đ2 đã trả xe cho H. Đ2 không biết địa chỉ cụ thể của H cũng như biển số xe nên cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để làm việc được với H và tạm giữ chiếc xe. Do đó, không đề cập xem xét.

6.2. Đối với ông Phan Văn C, là người cho Đ2 mượn xe cải tiến để làm phương tiện trộm cắp. Quá trình điều tra xác định, khi cho Đ2 mượn xe, ông C không biết Đ2 mượn xe để trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không thu giữ, xem xét, xử lý. Do đó, không đề cập xem xét.

6.3. Đối với ông Nguyễn Sỹ N, là người đã mua bộ phản do Đ2 trộm cắp. Tuy nhiên, khi mua ông N không biết bộ phản là do Đ2 trộm cắp được mà có nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với ông N. Do đó, không đề cập xem xét.**]**

[7. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.**]**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1 và khoản 2 (với tình tiết bị cáo có thời gian quân ngũ) Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Đ2.

- Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Công T.

1.1. Tuyên bố bị cáo các bị cáo Trần Văn Đ2 và Lê Công T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ2 **10** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày chấp hành quyết định thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 14/02/2019 đến ngày 23/02/2019).

- Xử phạt bị cáo Lê Công T **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 14/02/2019 đến ngày 23/02/2019).

Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê Công T kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm chấp hành án phạt tù.

2. Về việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn Đ2 bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Sỹ N **5.000.000** đồng (Năm triệu đồng) là số tiền ông đã trả cho Đ2 để mua bộ phản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc các bị cáo Trần Văn Đ2 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng buộc bị cáo Đ2 phải chịu 500.000 đồng tiền án phí.

Buộc các bị cáo Lê Công T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp;*
- *Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyến

(Đã ký)

\